

Số: 28/11/QĐ-BVTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức
Bệnh viện Từ Dũ năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TỪ DŨ

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND TP. HCM về việc cho phép đổi tên Bệnh viện Phụ Sản TP. HCM thành Bệnh viện Từ Dũ trực thuộc Sở Y tế TP. HCM và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện Từ Dũ;

Căn cứ Quyết định số 4295/QĐ-SYT ngày 20/11/2025 của Sở Y tế TP. HCM về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hoạt động của Bệnh viện Từ Dũ thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 259/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 thay thế Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 3550/SYT-TCCB ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai Hướng dẫn số 1397/HD-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 452/KH-BVTD ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Từ Dũ về tuyển dụng viên chức năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Từ Dũ năm 2026 về việc báo cáo kết quả xét tuyển viên chức năm 2026 cho Giám đốc Bệnh viện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xét tuyển viên chức năm 2026 của Bệnh viện Từ Dũ trực thuộc Sở Y tế gồm 229 (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín) người có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng xét tuyển viên chức của Bệnh viện Từ Dũ thực hiện việc thông báo kết quả xét tuyển viên chức công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện Từ Dũ có trách nhiệm tham mưu Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ ra quyết định tuyển dụng, đồng thời gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký để biết, thực hiện việc ký hợp đồng làm việc với viên chức.

Điều 3. Giám đốc, các Phó Giám đốc, các Trưởng khoa, phòng và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB, HNT/ 08b

GIÁM ĐỐC



BS. CKII Trần Ngọc Hải



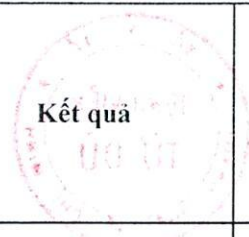
SỞ Y TẾ
BỆNH VIỆN TỬ DŨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2814 /QĐ/BVTD ngày 02 tháng 10 năm 2026)

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	S03.03	Nguyễn Lê Thu Cúc	12/09/1989	X	079 189 033 139	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	95	96	95,5		95,5	Trúng tuyển	
2	S03.07	Lộc Thị Hường	05/08/1995	X	020 195 010 625	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	86	87	86,5	5	91,5	Trúng tuyển	DT thiếu số
3	S03.04	Lê Anh Ngọc Hạnh	10/02/1993	X	075 193 000 619	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	88	91	89,5		89,5	Trúng tuyển	
4	S03.13	Võ Thanh Sương	13/11/1994	X	051 194 005 103	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	90	89	89,5		89,5	Trúng tuyển	
5	S03.16	Nguyễn Đăng Thịnh	13/02/1997		031 097 015 206	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	89	89	89		89	Trúng tuyển	
6	S03.14	Phan Thị Thân	06/12/1992	X	067 192 003 485	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	87	90,5	88,8		88,8	Trúng tuyển	
7	S03.06	Phạm Thị Hương	10/01/1994	X	067 194 000 018	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	88	88	88		88	Trúng tuyển	
8	S03.09	Lê Châu Khánh Như	17/01/1997	X	079 197 022 771	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	88	88	88		88	Trúng tuyển	
9	S03.05	Võ Thị Phương Hiếu	16/08/1996	X	072 196 003 374	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	86	89	87,5		87,5	Trúng tuyển	
10	S03.02	Hà Duy Bình	09/12/1994		096 094 003 343	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	86	86	86		86	Trúng tuyển	
11	S03.08	Trần Thị Loan Nhi	29/10/1995	X	075 195 015 575	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	84	86	85		85	Trúng tuyển	



STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
12	S03.10	Đậu Ngọc Hà Phương	19/12/1992	X	060 192 016 084	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	81	80	80,5		80,5	Trúng tuyển	
13	S03.01	Lý Văn Anh	31/08/1995	X	079 195 007 914	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	77	79	78		78	Trúng tuyển	
14	S03.19	Lê Thành Trung	25/11/1993		089 093 020 073	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	75	74	74,5		74,5	Trúng tuyển	
15	S03.18	Lê Thị Bảo Trâm	29/04/1997	X	040 197 007 022	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	72	74	73		73	Trúng tuyển	
16	S03.17	Nguyễn Đức Toàn	27/07/1997		079 097 019 299	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	72	73,5	72,8		72,8	Trúng tuyển	
17	S03.20	Huỳnh Đỗ Phương Uyên	05/01/1998	X	079 198 010 601	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	70	74	72		72	Trúng tuyển	
18	S03.15	Hồ Văn Thành	10/01/1990		046 090 000 020	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	72	71	71,5		71,5	Trúng tuyển	
19	S03.12	Thái Thị Mai Sâm	29/03/1993	X	067 193 003 584	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	70	72	71		71	Trúng tuyển	
20	S03.11	Hồ Tấn Quốc	27/07/1994		052 094 017 690	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	66	67	66,5		66,5	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
21	S02.05	Trần Trung Tú	05/09/1992		001 092 036 351	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	80	78	79		79	Trúng tuyển	
22	S02.01	Đỗ Hải An	27/05/1990		060 090 007 910	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	76	78	77		77	Trúng tuyển	
23	S02.03	Hà Tú Duy	20/02/1992		079 092 013 512	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	75	77	76		76	Trúng tuyển	
24	S02.02	Võ Thành An	05/08/1998		079 098 015 475	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	68	70	69		69	Trúng tuyển	
25	S02.04	Nguyễn Đoàn Công Thành	02/08/1996		079 096 013 323	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	40	40	40	5	45	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Con thương bình bậc 4/4

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
26	C05.07	Hứa Lan Uyên	17/02/1996	X	079 196 011 194	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	85	85	85		85	Trúng tuyển	
27	C05.06	Doãn Thành Trung	24/02/1993		079 093 008 278	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	84	84	84		84	Trúng tuyển	
28	C05.03	Hoàng Văn Chiến	11/11/1991		040 091 034 647	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	80	80	80		80	Trúng tuyển	
29	C05.02	Nguyễn Phan Huỳnh Bảo	04/04/1995		084 095 005 812	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	78	78	78		78	Trúng tuyển	
30	C05.05	Lê Thị Thanh Nhung	03/05/1993	X	049 193 021 332	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	77	78	77,5		77,5	Trúng tuyển	
31	C05.04	Bùi Thị Mỹ Linh	26/10/1993	X	070 193 002 247	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	75	75	75		75	Trúng tuyển	
32	C05.01	Nguyễn Phi Anh	20/01/1999	X	079 199 016 480	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	34	30	32		32	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
33	S01.11	Lương Thị Mai Hương	23/04/1995	X	066 195 020 169	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	96	96	96		96	Trúng tuyển	
34	S01.05	Phạm Thị Bảo Châu	13/07/1994	X	080 194 000 339	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	90	90	90		90	Trúng tuyển	
35	S01.15	Phạm Thị Mỹ Linh	09/09/1993	X	092 193 004 623	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	90	90	90		90	Trúng tuyển	
36	S01.02	Võ Duy Bằng	27/01/1995		064 095 000 055	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	88	87	87,5		87,5	Trúng tuyển	
37	C01.13	Trịnh Ngọc Hà Thu	18/10/1993	X	082 193 004 672	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	88	85,5	86,8		86,8	Trúng tuyển	
38	S01.04	Vũ Thế Bình	10/12/1994		079 094 030 315	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	88	85	86,5		86,5	Trúng tuyển	
39	S01.01	Lư Tấn Khôi Anh	23/09/1994		079 094 039 900	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	88	84	86		86	Trúng tuyển	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
40	S01.12	Hà Thị Thu Huyền	23/03/1988	X	004 188 002 444	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	80	80	80	5	85	Trúng tuyển	DT thiếu số
41	S01.17	Võ Tấn Lực	31/05/1991		058 091 006 385	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	85	85	85		85	Trúng tuyển	
42	S01.20	Phạm Ngọc Minh	19/09/1994	X	056 194 011 113	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	85	85	85		85	Trúng tuyển	
43	S01.19	Trần Hồ Khánh Ly	22/08/1988	X	054 188 005 389	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	83	85	84		84	Trúng tuyển	
44	C01.23	Tăng Thị Ngọc Vân	19/08/1982	X	094 182 014 787	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	77	81	79	5	84	Trúng tuyển	DT thiếu số
45	C01.20	Trương Duy Tùng	18/06/1992		075 092 015 596	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	85	81	83		83	Trúng tuyển	
46	C01.11	Hà Hiếu Thảo	13/10/1993		079 093 002 937	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	80	83,5	81,8		81,8	Trúng tuyển	
47	C01.16	Nguyễn Phụng Trân	01/01/1994	X	079 194 030 965	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	78	81	79,5		79,5	Trúng tuyển	
48	S01.14	Nguyễn Khánh Linh	02/07/1996		031 096 019 596	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	78	80	79		79	Trúng tuyển	
49	S01.08	Phạm Thị Hương Giang	10/12/1993	X	001 193 027 186	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	76	80	78		78	Trúng tuyển	
50	C01.07	Đậu Thị Thùy Quyên	04/07/1992	X	068 192 000 122	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	78	74	76		76	Trúng tuyển	
51	S01.09	Lê Thị Ngọc Hà	28/11/1992	X	038 192 009 083	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	72	74	73		73	Trúng tuyển	
52	C01.06	Tổng Thị Mỹ Phụng	20/03/1992	X	082 192 008 375	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	70	72	71		71	Trúng tuyển	
53	C01.12	Lương Trần Minh Thi	02/12/1996	X	079 196 023 437	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	69	71	70		70	Trúng tuyển	

STT tổng	Số Bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
54	C01.17	Phạm Thị Lan Trang	25/06/1993	X	036 193 001 334	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	70	67	68,5		68,5	Trúng tuyển	
55	C01.08	Quách Thị Minh Tâm	14/04/1989	X	079 189 037 793	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	67	68	67,5		67,5	Trúng tuyển	
56	C01.21	Giang Trịnh Tú Vân	13/06/1992	X	062 192 000 029	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	62	60	61		61	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
57	S01.18	Doãn Thị Ly	14/03/1995	X	049 195 000 174	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	57	59	58		58	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
58	S01.13	Huỳnh Từ Lê Khanh	06/01/1995		060 095 004 459	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	56	58	57		57	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
59	C01.14	Võ Việt Tín	01/01/1998		082 098 008 076	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	51	55	53		53	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
60	S01.07	Nguyễn Thị Phương Duyên	27/06/1996	X	066 196 001 707	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	48	50	49		49	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
61	C01.15	Nguyễn Thị Toàn	08/06/1998	X	042 198 012 811	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	47	50	48,5		48,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
62	C01.18	Dương Bùi Phương Trinh	23/12/1997	X	094 197 006 802	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	49	48	48,5		48,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
63	C01.09	Hồ Trần Hồng Thanh	24/08/1992	X	072 192 012 601	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	47	46	46,5		46,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
64	C01.19	Võ Thanh Trúc	13/04/1993	X	079 193 000 266	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	43	48	45,5		45,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
65	C01.05	Nguyễn Thị Kim Oanh	14/12/1996	X	066 196 016 028	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	45	45	45		45	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
66	C01.02	Phan Bảo Ngọc	05/11/1998		079 098 012 216	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	40	36	38		38	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
67	C01.04	Vũ Thị Hồng Nhung	18/10/1998	X	077 198 006 114	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	38	36,5	37,3		37,3	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
68	C01.01	Nguyễn Hạ Thi Mơ	17/05/1994	X	083 194 000 760	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	38	34	36		36	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
69	S01.03	Đặng Phước Bảo	30/09/1997		048 097 000 394	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	35	35	35		35	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
70	C01.03	Phan Thị Tuyết Nhi	27/02/1999	X	075 199 009 659	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	34	35	34,5		34,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
71	C01.10	Nguyễn Thanh Thảo	04/11/1998	X	079 198 008 646	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	32	36	34		34	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
72	S01.06	Dương Phan Ngọc Diệp	30/04/1996	X	089 196 007 253	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	26	30	28		28	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
73	S01.10	Trang Vĩ Hùng	07/01/1998		079 098 015 933	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
74	S01.16	Huỳnh Gia Lộc	31/12/2001		072 201 001 181	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
75	C01.22	Nguyễn Cao Vân	12/08/1995	X	079 195 010 157	Bác sĩ (hạng III) - V.08.01.03	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
76	S06.08	Nguyễn Phương Thảo	24/11/2000	X	079 300 002 621	Chuyên viên - 01.003	81	83	82		82	Trúng tuyển	
77	S06.02	Lê Văn Điều	01/01/1979		084 079 006 945	Chuyên viên - 01.003	50	47	48,5		48,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
78	S06.10	Lê Nguyễn Hải Triều	01/01/1994	X	079 194 029 046	Chuyên viên - 01.003	36	36	36		36	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
79	S06.06	Phạm Thị Phương Thảo	21/12/2000	X	079 300 025 596	Chuyên viên - 01.003	33	31	32		32	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
80	S06.03	Nguyễn Thị Thùy Dung	22/12/1998	X	079 198 006 384	Chuyên viên - 01.003	28	28	28		28	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
81	S06.04	Phùng Thị Bích Loan	22/11/1989	X	079 189 013 904	Chuyên viên - 01.003	21	23	22		22	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VĂN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
82	S06.11	Dương Hoàng Vũ	26/09/1991		079 091 022 705	Chuyên viên - 01.003	20	21	20,5		20,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
83	S06.05	Nguyễn Huỳnh Hạ Mỹ	08/10/2002	X	082 302 000 757	Chuyên viên - 01.003	20	20	20		20	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
84	S06.01	Ngô Hiếu Ân	20/12/2002		079 202 014 136	Chuyên viên - 01.003	18	18	18		18	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
85	S06.09	Võ Thanh Tính	10/01/1996		079 096 030 866	Chuyên viên - 01.003	9	9	9	2,5	11,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Quân nhân xuất ngũ
86	S06.07	Huỳnh Ngọc Thảo	31/07/2002	X	079 302 010 235	Chuyên viên - 01.003	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
87	S06.15	Hồng Thuận	22/05/1990	X	079 190 014 187	Chuyên viên - 01.003	77	77	77		77	Trúng tuyển	
88	S06.14	Hoàng Nhật Thắng	17/11/1991		079 091 035 007	Chuyên viên - 01.003	50	50	50		50	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
89	S06.16	Bùi Minh Tuấn	01/01/1998	X	079 098 007 664	Chuyên viên - 01.003	34	38	36	5	41	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Học viên SQDB
90	S06.12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	21/02/1988	X	091 188 001 140	Chuyên viên - 01.003	30	30	30		30	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
91	S06.13	Hoàng Thu Phương	10/04/2002	X	052 302 010 258	Chuyên viên - 01.003	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
92	S02.10	Trần Ngọc Tuyết Mai	09/01/2000	X	082 300 007 383	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	85	83	84		84	Trúng tuyển	
93	S02.12	Nguyễn Thị Minh Thư	25/02/1997	X	086 197 006 731	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	85	83	84		84	Trúng tuyển	
94	S02.11	Nguyễn Thị Hoài Phương	26/03/1991	X	051 191 000 013	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	80	81	80,5		80,5	Trúng tuyển	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
95	S02.08	Đồng Thị Tôn Hiền	27/10/1991	X	083 191 013 631	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	80	80	80		80	Trúng tuyển	
96	S02.06	Trần Thị Lê Duyên	11/07/1997	X	082 197 010 407	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	55	55	55		55	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
97	S02.09	Võ Thị Ngọc Lài	17/01/1994	X	079 194 032 094	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	45	45	45		45	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
98	S02.13	Trần Thị Tiểu Thúy	30/12/1997	X	086 197 004 514	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	20	20	20		20	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
99	S02.07	Phạm Thị Thanh Hằng	14/11/2000	X	079 300 034 254	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
100	S02.16	Trần Thị Thúy Huỳnh	26/06/2000	X	083 300 002 953	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	85	85	85		85	Trúng tuyển	
101	S02.17	Trần Phương Khánh	28/11/2000	X	080 300 003 013	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	85	85	85		85	Trúng tuyển	
102	S02.15	Ngô Thị Hồng Gấm	28/03/1998	X	049 198 006 938	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	80	80	80		80	Trúng tuyển	
103	S02.20	Hà Yến Thu	01/12/1997	X	079 197 023 663	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	80	80	80		80	Trúng tuyển	
104	S02.18	Huỳnh Thị Thúy Liễu	15/01/2001	X	051 301 002 759	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	73	73	73		73	Trúng tuyển	
105	S02.22	Phạm Thị Thanh Trúc	12/10/1979	X	086 179 001 677	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	71	72	71,5		71,5	Trúng tuyển	
106	S02.23	Phan Trần Minh Tuyền	22/03/1999	X	079 199 003 337	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	70	70	70		70	Trúng tuyển	
107	S02.19	Nguyễn Tấn Tài	14/02/2001		056 201 002 775	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	69	70	69,5		69,5	Trúng tuyển	
108	S02.21	Ngô Anh Thư	16/03/2000	X	052 300 005 485	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	63	61	62		62	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
109	S02.24	Hoàng Thị Mỹ Vi	24/07/2002	X	064 302 016 699	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	62	62	62		62	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
110	S02.14	Lê Thị Cẩm	30/08/2003	X	082 303 017 059	Điều dưỡng hạng III - V.08.05.12	40	40	40		40	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
111	C05.10	Đào Minh Trang	05/01/1998	X	079 198 019 485	Dinh dưỡng hạng III - V.08.09.25	88	88	88		88	Trúng tuyển	
112	C05.09	Đinh Thị Thu Sương	10/02/2000	X	052 300 008 962	Dinh dưỡng hạng III - V.08.09.25	60	60	60		60	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
113	C05.08	Lê Thị Mận	10/10/2002	X	087 302 001 330	Dinh dưỡng hạng III - V.08.09.25	56	55	55,5		55,5	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
114	C02.07	Trần Thị Thu Hiền	08/05/1985	X	091 185 000 581	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	89	89	89		89	Trúng tuyển	
115	C03.06	Đào Thị Hoàng Thu	30/03/1987	X	064 187 000 272	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	84	87	85,5		85,5	Trúng tuyển	
116	C02.05	Nguyễn Duy Dung	09/05/1982	X	092 182 004 974	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	80	80	80		80	Trúng tuyển	
117	C02.16	Đỗ Phạm Tuyết Ngoan	17/11/1999	X	080 199 004 770	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	68	68	68		68	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
118	C03.04	Dương Thị Thanh Sương	16/09/1999	X	049 199 011 826	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	74	77	75,5		75,5	Trúng tuyển	
119	C03.11	Dương Ngọc Phương Trinh	28/11/1996	X	079 196 024 282	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	73	75	74		74	Trúng tuyển	
120	C02.19	Phạm Thị Xuân Nở	10/12/2000	X	064 300 011 871	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	70	70	70		70	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
121	C02.18	Nguyễn Thị Loan Như	20/04/1996	X	080 196 009 833	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	65	65	65		65	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
122	C02.17	Nguyễn Như Ngọc Nhân	18/03/1994	X	079 194 006 124	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	60	60	60		60	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
123	C02.13	Lê Thị Phương Ngân	03/08/1999	X	082 199 003 763	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	55	55	55		55	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
124	C02.12	Nguyễn Thị Nga	16/04/1999	X	079 199 010 228	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	50	50	50		50	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
125	C02.06	Võ Thùy Dương	21/05/2002	X	079 302 014 067	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	48	48	48		48	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
126	C02.09	Huỳnh Thị Như Hương	06/08/2002	X	066 302 009 879	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	45	45	45		45	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
127	C02.15	Phan Thị Ngân	28/07/2000	X	080 300 017 672	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	45	45	45		45	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
128	C02.08	Phùng Lê Cẩm Hồng	09/12/1997	X	082 197 000 044	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	35	35	35		35	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
129	C02.10	Phạm Thị Yến Khoa	15/01/2001	X	082 301 009 704	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	33	33	33		33	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
130	C02.11	Lại Đặng Kiều Ly	10/11/2002	X	075 302 005 865	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	30	30	30		30	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
131	C02.14	Đặng Thị Kim Ngân	24/11/1994	X	083 194 011 168	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	30	30	30		30	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
132	C03.12	Lê Thị Ngọc Tú	21/06/1999	X	054 199 003 951	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	26	26	26		26	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
133	C03.07	Huỳnh Võ Ngọc Thùy	07/08/2002	X	079 302 018 773	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	21	23	22		22	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
134	C03.08	Nguyễn Phụng Tiên	29/04/2002	X	079 302 007 795	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	22	22	22		22	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
135	C02.04	Trần Thị Huệ Bích	19/01/1992	X	093 192 000 706	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	21	20	20,5		20,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
136	C03.02	Trần Thị Trúc Phương	07/05/1994	X	271 194 000 003	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	21	18	19,5		19,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
137	C03.10	Vũ Ngọc Huyền Trân	31/01/2001	X	072 301 001 214	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	16	17	16,5		16,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
138	C03.15	Đào Ngọc Hoàng Yến	10/10/1997	X	080 197 004 847	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	17	15	16		16	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
139	C02.01	Lâm Hà Anh	19/02/1999	X	072 199 007 131	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	10	10	10		10	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
140	C03.03	Nguyễn Ngọc Quốc	28/12/1987		080 087 001 585	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	8	10	9		9	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
141	C03.05	Nguyễn Hồng Tân	01/12/1997		079 097 017 103	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	10	8	9		9	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
142	C03.13	Hồ Thanh Tuyền	17/03/1994	X	079 194 014 720	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	7	7	7		7	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
143	C03.14	Ngô Ý Vy	14/12/2000	X	079 300 003 864	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	6	6	6		6	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
144	C02.03	Nguyễn Thùy Lan Anh	06/01/2000	X	075 300 018 631	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	5	5	5		5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
145	C02.02	Trịnh Thị Vân Anh	31/01/2002	X	075 302 019 172	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
146	C03.01	Võ Thị Mỹ Oanh	04/12/1997	X	052 197 002 060	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
147	C03.09	Đoàn Kim Trâm	10/12/1993	X	075 193 009 042	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
148	C03.18	Huỳnh Xuân Trúc	26/08/1996	X	083 196 000 107	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	76	77	76,5		76,5	Trúng tuyển	
149	C03.17	Nguyễn Thị Thanh Thảo	09/11/1995	X	079 195 010 156	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	69	71	70		70	Trúng tuyển	

STT tổng	Số Bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
150	C03.16	Vưu Huỳnh Bảo Luận	19/03/1996		079 096 028 640	Dược sĩ (hạng III) - V.08.08.22	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
151	S04.06	Lê Huỳnh Nga	28/05/1996	X	075 196 019 835	Dược hạng IV - V.08.08.23	96	96	96		96	Trúng tuyển	
152	S04.11	Trần Thị Cẩm Thạch	07/03/1991	X	068 191 009 667	Dược hạng IV - V.08.08.23	90	90	90		90	Trúng tuyển	
153	S04.01	Lê Quốc Đạt	24/12/1996		079 096 027 595	Dược hạng IV - V.08.08.23	88	88	88		88	Trúng tuyển	
154	S04.14	Lê Hoàng Thịnh	15/07/1995		083 095 006 061	Dược hạng IV - V.08.08.23	86	86	86		86	Trúng tuyển	
155	S04.16	Nguyễn Thị Kim Thư	11/01/1980	X	079 180 017 659	Dược hạng IV - V.08.08.23	84	84	84		84	Trúng tuyển	
156	S04.08	Cao Thị Thùy Nhung	20/12/1994	X	079 194 000 805	Dược hạng IV - V.08.08.23	80	80	80		80	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
157	S04.17	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	17/12/1992	X	079 192 018 730	Dược hạng IV - V.08.08.23	78	78	78		78	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
158	S04.05	Phạm Thị Lan	10/09/1999	X	037 199 006 117	Dược hạng IV - V.08.08.23	70	70	70		70	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
159	S04.02	Trần Hoài Dung	30/08/1996	X	079 196 029 897	Dược hạng IV - V.08.08.23	60	60	60		60	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
160	S04.04	Trần Hoàng Huy	21/04/1993		074 093 001 361	Dược hạng IV - V.08.08.23	58	58	58		58	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
161	S04.03	Phạm Nguyễn Minh Duy	12/11/1995		086 095 002 156	Dược hạng IV - V.08.08.23	54	54	54		54	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
162	S04.07	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	30/05/1995	X	079 195 036 106	Dược hạng IV - V.08.08.23	44	44	44		44	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
163	S04.12	Huỳnh Duy Thảo	29/03/1999	X	095 199 000 200	Dược hạng IV - V.08.08.23	37	37	37		37	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
164	S04.10	Đoàn Minh Phụng	24/12/1997	X	068 197 007 476	Dược hạng IV - V.08.08.23	32	32	32		32	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
165	S04.09	Nguyễn Lê Hồng Phúc	23/05/1992	X	079 192 030 663	Dược hạng IV - V.08.08.23	30	30	30		30	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
166	S04.13	Nguyễn Hồng Thi	28/11/1998		080 098 011 604	Dược hạng IV - V.08.08.23	0	0	0	2,5	2,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
167	S04.15	Nguyễn Thị Anh Thư	15/11/2004	X	080 304 004 089	Dược hạng IV - V.08.08.23	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
168	S04.18	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	03/11/1994	X	083 194 000 869	Dược hạng IV - V.08.08.23	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	Vắng thi
169	S05.05	Võ Thị Ly	08/05/2002	X	045 302 005 411	Hộ sinh hạng III - V.08.06.15	64	65	64,5		64,5	Trúng tuyển	
170	S05.01	Phạm Thúy Duy	19/04/2003	X	079 303 027 923	Hộ sinh hạng III - V.08.06.15	59	60	59,5		59,5	Trúng tuyển	
171	S05.02	Trần Thị Thanh Hoa	08/01/2003	X	036 303 003 882	Hộ sinh hạng III - V.08.06.15	40	39	39,5		39,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
172	S05.06	Huỳnh Mộng Nghi	26/10/2003	X	096 303 010 363	Hộ sinh hạng III - V.08.06.15	29	29	29		29	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
173	S05.04	Trương Như Huỳnh	01/05/2003	X	080 303 013 386	Hộ sinh hạng III - V.08.06.15	20	19	19,5		19,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
174	S05.07	Trần Nguyễn Anh Thư	27/02/2003	X	082 303 007 567	Hộ sinh hạng III - V.08.06.15	18	17	17,5		17,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
175	S05.08	Nguyễn Thị Anh Thư	09/11/2003	X	038 303 024 858	Hộ sinh hạng III - V.08.06.15	16	15	15,5		15,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
176	S05.03	Nguyễn Ngọc Hồng	10/03/2003	X	082 303 015 020	Hộ sinh hạng III - V.08.06.15	9	8	8,5		8,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
177	C06.03	Lê Tấn Phúc	17/02/1996		079 096 016 171	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	75	75	75		75	Trúng tuyển	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
178	C06.04	Nguyễn Trọng Tường	01/11/1987		082 087 015 180	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	70	70	70		70	Trúng tuyển	
179	C06.02	Nguyễn Đức Nguyên	11/09/2002		079 202 021 288	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	65	65	65		65	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
180	C06.06	Võ Anh Văn	18/12/1982		079 082 002 337	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	65	65	65		65	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
181	C06.05	Phạm Thị Ánh Tuyết	22/12/1996	X	079 196 033 605	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	60	62	61		61	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
182	C06.01	Nguyễn Thanh Hoàng	09/08/1990		051 090 009 732	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	45	45	45		45	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
183	C06.07	Lê Hữu Thọ	23/10/1989		079 089 016 336	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	80	80	80		80	Trúng tuyển	
184	S05.11	Nguyễn Ngọc Phương Thủy	19/09/2000	X	079 300 019 965	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	16	18	17		17	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
185	S05.10	Hoàng Lan Phương	14/01/1998	X	045 198 001 923	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	13	12	12,5		12,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
186	S05.09	Nguyễn Hồng Hào	16/07/2001		079 201 006 591	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	12	12	12		12	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
187	S05.13	Vũ Thị Ngọc Thủy	22/06/1985	X	079 185 023 233	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	90	91	90,5		90,5	Trúng tuyển	
188	S05.12	Huỳnh Thanh Phong	29/12/2002		079 202 019 482	Kỹ sư (hạng III) - V.05.02.07	34	36	35		35	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
189	C06.16	Trương Nguyễn Việt Trinh	14/06/1992	X	080 192 013 761	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	90	90	90		90	Trúng tuyển	
190	C06.09	Phạm Thị Thu Hòa	25/07/1988	X	079 188 006 156	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	85	85	85		85	Trúng tuyển	
191	C06.10	Trần Phan Liên Khuê	09/12/1999	X	079 199 032 522	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	85	85	85		85	Trúng tuyển	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
192	C06.13	Lương Thị Hồng Quyên	24/05/1991	X	080 191 006 933	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	85	85	85		85	Trúng tuyển	
193	C06.11	Nguyễn Thị Hoàng Linh	14/12/1990	X	052 190 000 673	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	65	65	65		65	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
194	C06.12	Trần Thị Kiều Linh	23/09/1993	X	083 193 005 390	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	60	60	60		60	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
195	C06.14	Trần Thanh Thúy	12/03/2004	X	079 304 014 510	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	50	50	50		50	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
196	C06.19	Nguyễn Lê Hoàng Vy	25/01/2002	X	054 302 007 558	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	40	40	40		40	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
197	C06.18	Nguyễn Thị Mỹ Vy	06/03/2002	X	052 302 005 718	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	40	37	38,5		38,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
198	C06.08	Triệu Lê Gia Hân	02/12/2003	X	079 303 010 566	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	15	15	15		15	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
199	C06.17	Bùi Thanh Tuấn	02/03/2001		079 201 003 455	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	13	10	11,5		11,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
200	C06.15	Nguyễn Thị Bích Trâm	10/08/2000	X	089 300 000 293	Kế toán viên (hạng III) - V. 06.031	10	10	10		10	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
201	C06.21	Võ Thị Hồng Nguyệt	25/10/1994	X	079 194 013 509	Kế toán viên trung cấp (hạng IV) - V. 06.032	85	85	85		85	Trúng tuyển	
202	C06.20	Nguyễn Thị Thùy Dung	04/05/1989	X	079 189 000 416	Kế toán viên trung cấp (hạng IV) - V. 06.032	15	15	15		15	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
203	S03.21	Võ Thị Kim Chi	05/01/2002	X	049 302 012 405	Kỹ thuật Y hạng III - V.08.07.18	87	88	87,5		87,5	Trúng tuyển	
204	S03.22	Võ Công Quang	15/03/1992		083 092 008 693	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	70	70	70		70	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
205	C04.23	Phạm Quốc Việt	01/11/1990		030 090 010 293	Kỹ thuật Y hạng III - V.08.07.18	90	88	89		89	Trúng tuyển	
206	C04.01	Phan Thị Thùy Dung	08/09/2000	X	070 300 002 699	Kỹ thuật Y hạng III - V.08.07.18	85	83	84		84	Trúng tuyển	
207	C04.22	Lê Thành Trọng	24/08/1996		082 096 007 102	Kỹ thuật Y hạng III - V.08.07.18	85	82	83,5		83,5	Trúng tuyển	
208	C04.03	Trần Tấn Minh Hoàng	15/01/1992		089 092 000 022	Kỹ thuật Y hạng III - V.08.07.18	80	80	80		80	Trúng tuyển	
209	C04.21	Phan Nguyễn Mỹ Trang	10/05/1990	X	083 190 000 648	Kỹ thuật Y hạng III - V.08.07.18	80	78	79		79	Trúng tuyển	
210	C04.15	Nguyễn Thị Bé Sáu	01/01/1993	X	084 193 005 529	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	75	74	74,5		74,5	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
211	C04.16	Nguyễn Ngọc Hạnh Thảo	23/12/1988	X	093 188 002 355	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	75	72	73,5		73,5	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
212	C04.07	Nguyễn Thị Thúy Lợi	29/03/1994	X	087 194 017 055	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	73	72	72,5		72,5	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
213	C04.24	Âu Tố Vy	23/01/2002	X	079 302 028 697	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	58	60	59		59	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
214	C04.06	Nguyễn Phương Huỳnh	07/06/2002	X	082 302 011 249	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	60	56	58		58	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
215	C04.10	Nguyễn Thị Kim Ngân	13/09/2000	X	079 300 032 916	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	55	55	55		55	Không trúng tuyển, đã tuyển đủ số lượng	
216	C04.17	Lê Ngọc Mai Thi	17/12/2002	X	079 302 020 297	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	50	48	49		49	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
217	C04.04	Lê Thị Huế	21/06/2001	X	030 301 015 563	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	45	42	43,5		43,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
218	C04.02	Phạm Huỳnh Minh Duy	04/08/1990		082 090 016 826	Kỹ thuật y hạng III - V.08.07.18	40	44	42		42	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	

STT tổng	Số Báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp - Mã CDNN	Điểm VẤN ĐÁP (100 điểm)			Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
							Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình				
219	C04.09	Nguyễn Bùi Kim Ngân	03/11/2001	X	060 301 002 374	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	40	38	39		39	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
220	C04.12	Phạm Hải Yến Như	12/03/2002	X	080 302 000 757	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	40	36	38		38	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
221	C04.20	Võ Thị Thùy Trang	09/08/2002	X	087 302 014 604	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	35	32	33,5		33,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
222	C04.08	Phạm Thị Diễm My	03/06/2000	X	082 300 008 915	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	30	28	29		29	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
223	C04.25	Nguyễn Lê Tường Vy	20/09/1998	X	079 198 007 965	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	20	18	19		19	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
224	C04.13	Nguyễn Lê Tấn Phát	04/01/2001		079 201 002 696	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	15	16	15,5		15,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
225	C04.14	Trần Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	02/04/2002	X	052 302 000 225	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	15	14	14,5		14,5	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
226	C04.11	Nguyễn Bích Ngọc	01/06/1995	X	080 195 007 431	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	10	10	10		10	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
227	C04.18	Bùi Thị Bé Thùy	15/04/2000	X	091 300 017 152	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	12	8	10		10	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
228	C04.19	Huỳnh Ngọc Trang	26/10/1999	X	079 199 015 984	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	10	8	9		9	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	
229	C04.05	Đoàn Đỗ Trọng Hùng	28/02/2000		008 200 000 043	Kỹ thuật y hạng III V.08.07.18	0	0	0		0	Không trúng tuyển, vẫn đáp đạt dưới 50 điểm	

229 Trường hợp

Bệnh viện Từ Dũ

hok